TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Tiểu Quỳnh;
2/ Bà Mai Thị Thanh Hương.

***Thư ký phiên tòa*:** ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông THT, sinh năm 1970 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường D, khu phố E, phường G, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà NTY, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường H, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông THT nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Y sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 01/10/1992 do Ủy ban nhân dân Thị trấn P, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng của ông là:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bà Y.
- Về con chung: ông xác định có 01 con chung:

TNHV (nam), sinh ngày 01/4/1994 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: ông xác nhận không có.
- Về nợ chung: ông xác nhận không có.

Tòa án đã nhiều lần thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Y không trình bày ý kiến.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn bà NTY, sinh cư năm 1968 hiện trú tại Đường H, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà NTY. Tuy nhiên, bà Y không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, Tòa án không tiến hành hoà giải được, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Y theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông THT có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ông T và bà Y tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 01/10/1992 do Ủy ban nhân dân Thị trấn P, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[1]- Về quan hệ hôn nhân:

Tại bản khai ngày 05/9/2017 nguyên đơn trình bày: ông và bà Y chung sống được 18 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Y tự ý quyết định mọi việc

trong gia đình mà không thông qua ý kiến của ông. Đồng thời bà Y gây ra nợ, ông đã phải bán nhà để trả cho những khoản nợ này, ông cũng nhờ cha mẹ hai bên khuyên ngăn nhưng bà Y vẫn không sửa đổi. Tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nguyện vọng của ông là được ly hôn.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Y không đến, không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên phải gánh chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt theo quy định của pháp luật.

Theo Phiếu yêu cầu xác minh số 338/2017/PYCXM ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Hội liên hiệp Phụ nữ phường K, Quận 7 trả lời kết quả như sau: "Qua việc phối hợp cùng cảnh sát khu vực và tổ dân phố đi xác minh được biết ông THT và bà NTY không còn sống chung đã nhiều năm liền";

Hội đồng xét xử xét thấy trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Y do bất đồng quan điểm nên vợ chồng mâu thuẫn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông T có nguyện vọng ly hôn, xét thấy yêu cầu của ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]- Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 74, quyển số 01/1994 do Ủy ban nhân dân Thị trấn P, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/4/1994 đã có đủ cơ sở để xác định ông T và bà Y có 01 con chung là: TNHV (nam), sinh ngày 01/4/1994 (đã trưởng thành).

[3]- Tài sản chung: ông T xác nhận không có.

- Nợ chung: ông T xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ quy định tại Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông THT và bà NTY (Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 01/10/1992 do Ủy ban nhân dân Thị trấn P, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2/ Về con chung: ông T, bà Y có 01 con chung tên TNHV (nam), sinh ngày 01/4/1994 (đã trưởng thành).

3/ Tài sản chung: không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: ông THT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024257 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông THT đã nộp đủ án phí.

5/ Ông THT và bà NTY vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TpHCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục THA Dân sự Q7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Mỗi đương sự
- Lưu, hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Thảo